

Số: 279 /BC-UBND

Tam Nông, ngày 07 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 5/2024

Thực hiện Công văn số 43/UBND-HCC ngày 18/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện báo cáo kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*gọi tắt là Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp*) trên địa bàn Huyện tháng 5/2024 như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Đối với huyện Tam Nông

Theo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*tại địa chỉ <https://quantri.dichvucong.gov.vn>*), tháng 5/2024 huyện Tam Nông **đạt 88,74/100 điểm (tốt)**, xếp hạng 01/12 huyện, thành phố.

- Chi tiết các tiêu chí và số điểm đạt được như sau:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 5 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Công khai, minh bạch	18	17,9 (tăng 3,7)	99,4
02	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	19,5 (tăng 0,1)	97,64
03	Dịch vụ công trực tuyến	12	7,1	79,2
04	Thanh toán trực tuyến	10	8,7 (tăng 0,1)	65,24
05	Mức độ hài lòng	18	18	100
06	Số hóa hồ sơ	22	17,6	79,9

2. Đối với UBND các xã, thị trấn

Điểm số cao nhất là **89,85/100 điểm**, điểm thấp nhất là **72,71/100 điểm**, trong đó có 09 xã, thị trấn xếp loại tốt, 03 xã xếp loại khá, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Điểm tổng	Điểm từng nhóm tiêu chí					
			Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Thanh toán trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ
01	Xã Phú Thọ	89.85	18/18	20/20	7.5/12	8.9/10	18/18	17.4/22
02	Xã Phú Đức	89.2	18/18	20/20	6.8/12	8.7/10	18/18	17.6/22
03	Xã Phú Thành A	89.07	18/18	19.7/20	7.5/12	8.7/10	18/18	17.2/22
04	Thị trấn Tràm Chim	88.71	18/18	18.6/20	7.5/12	09/10	18/18	17.6/22
05	Xã Phú Cường	88.25	17.1/18	20/20	6.8/12	8.9/10	18/18	17.5/22
06	Xã An Long	88.06	17.5/18	19.9/20	7.5/12	8.4/10	18/18	16.8/22
07	Xã Phú Thành B	86.09	15.2/18	20/20	6.8/12	8.7/10	18/18	17.4/22
08	Xã Phú Hiệp	85.82	17.9/18	18.8/20	7.5/12	8.5/10	18/18	15.2/22
09	Xã An Hòa	83.72	12.2/18	19.9/20	7.5/12	8.6/10	18/18	17.4/22
10	Xã Hòa Bình	79.19	11.3/18	19.4/20	6.4/12	8.3/10	18/18	15.8/22
11	Xã Phú Ninh	75.59	10/18	19.7/20	6.5/12	5.7/10	18/18	15.8/22
12	Xã Tân Công Sính	72.71	10.9/18	19.6/20	5.9/12	04/10	18/18	14.4/22

II. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Chỉ số công khai, minh bạch

1.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ nội dung quy định về các bộ phận cấu thành.
- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ về Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 5 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Công khai, minh bạch	18	17,9 (tăng 3,7)	99,4

1.3. Nguyên nhân: Thực hiện đồng bộ hồ sơ TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia chưa đầy đủ.

Stt	Tên đơn vị	HS đã đồng bộ	Tỷ lệ đã đồng bộ (%)	HS chưa đồng bộ	Tỷ lệ chưa đồng bộ (%)	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Thọ	399			Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai	Không
02	Xã Phú Đức	378				Không
03	Thị trấn Tràm Chim	748				Không
04	Xã Phú Thành A	505				Không
05	Xã Phú Hiệp	237	99.16	2	0.84	Không
06	Xã Phú Cường	453	94.77	25	5.23	Không
07	Xã Phú Ninh	212	55.35	171	44.65	Không
08	Xã An Long	347	96.93	11	3.07	Không
09	Xã Phú Thành B	104	84.55	19	15.45	Không
10	Xã Hòa Bình	161	62.89	95	37.11	Không
11	Xã Tân Công Sính	94	60.26	62	39.74	Không
12	Xã An Hòa	366	67.9	173	32.1	Không

2. Chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết

2.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn.
- Thời gian giải quyết TTHC trung bình theo từng TTHC.

2.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 5 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	19,5 (tăng 0,1)	97,64

2.3. Nguyên nhân: Trong tháng, tổng số hồ sơ quá hạn thể hiện trên Công dịch vụ công quốc gia là **83 hồ sơ và 16 hồ sơ** đang xử lý quá hạn, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Tổng HS xử lý	Hoàn thành đúng hạn	Hoàn thành quá hạn	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn	Tỷ lệ đúng hạn (%)	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Một cửa huyện	67	55	<u>2</u>	6	<u>4</u>	91.04	Không
02	Thị trấn Tràm Chim	786	717	<u>50</u>	15	<u>4</u>	93.13	Không
03	Xã Phú Ninh	218	201	<u>0</u>	14	<u>3</u>	98.62	Không

04	Xã An Long	358	345	<u>0</u>	11	<u>2</u>	99.44	Không
05	Xã Tân Công Sính	100	86	<u>1</u>	12	<u>1</u>	98	Không
06	Xã Phú Thành A	520	508	<u>8</u>	3	<u>1</u>	98.27	Không
07	Xã An Hòa	377	358	<u>1</u>	17	<u>1</u>	99.47	Không
08	Xã Phú Hiệp	262	219	<u>16</u>	27	<u>0</u>	93.89	Không
09	Xã Hòa Bình	174	162	<u>5</u>	7	<u>0</u>	97.13	Không
10	Xã Phú Thọ	416	405	<u>0</u>	11	<u>0</u>	100	Xong
11	Xã Phú Thành B	106	105	<u>0</u>	1	<u>0</u>	100	Xong
12	Xã Phú Đức	394	388	<u>0</u>	6	<u>0</u>	100	Xong
13	Xã Phú Cường	459	454	<u>0</u>	5	<u>0</u>	100	Xong

3. Chỉ số cung cấp dịch vụ công trực tuyến

3.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ.

3.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 5 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Dịch vụ công trực tuyến	12	7,1	79,2

3.3. Nguyên nhân:

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ chưa đạt chỉ tiêu được giao (90%), do một số TTHC có cung cấp trực tuyến nhưng người dân không có nhu cầu thực hiện.

- Thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến chưa đúng quy định.

Stt	Tên đơn vị	HS nộp DVCTT chưa đúng quy định	Tỷ lệ HS nộp DVCTT chưa đúng quy định (%)
01	Một cửa huyện	56	51.38
02	Thị trấn Tràm Chim	648	81.82
03	Xã Phú Ninh	196	78.4
04	Xã An Long	304	76.57
05	Xã Tân Công Sính	82	68.33

06	Xã Phú Thành A	475	83.04
07	Xã An Hoà	358	88.4
08	Xã Phú Hiệp	220	74.83
09	Xã Hoà Bình	144	77.42
10	Xã Phú Thọ	375	88.44
11	Xã Phú Thành B	103	91.15
12	Xã Phú Đức	378	95.45
13	Xã Phú Cường	408	82.26

4. Chỉ số thanh toán trực tuyến

4.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến.
- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.

4.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 5 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Thanh toán trực tuyến	10	8,7 (tăng 0,1)	65,24

* Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến:

Stt	Tên đơn vị	Hồ sơ cần TTTT	Hồ sơ đã TTTT	Hồ sơ TT hình thức khác	Tỷ lệ đã TTTT (%)	Tỷ lệ TT hình thức khác (%)	Tiến độ HT (45%)
01	Một cửa huyện	84	54	30	64.29	35.71	Xong
02	Xã Phú Cường	341	322	19	94.43	5.57	Xong
03	Xã Phú Thành B	83	78	5	93.98	6.02	Xong
04	Thị trấn Tràm Chim	345	318	27	92.17	7.83	Xong
05	Xã Phú Đức	167	152	15	91.02	8.98	Xong
06	Xã An Long	151	132	19	87.42	12.58	Xong
07	Xã Phú Thọ	242	210	32	86.78	13.22	Xong
08	Xã Phú Thành A	197	170	27	86.29	13.71	Xong
09	Xã Phú Hiệp	139	117	22	84.17	15.83	Xong
10	Xã Hòa Bình	127	101	26	79.53	20.47	Xong

11	Xã An Hòa	530	245	285	46.23	53.77	Xong
12	Xã Phú Ninh	521	160	361	30.71	69.29	Không
13	Xã Tân Công Sính	262	49	213	18.7	81.3	Không

4.3. Nguyên nhân: Một số TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến nhưng chưa phát sinh hồ sơ.

5. Chỉ số về mức độ hài lòng

5.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo phân loại
- Tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC

5.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 5 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Mức độ hài lòng	18	18	100

5.3. Nguyên nhân: Không.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ

6.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa.
- Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.
- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng.
- Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

6.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 5 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Số hóa hồ sơ	22	17,6	79,9

6.3. Nguyên nhân

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có kết quả	Tổng HS đã cấp kết quả điện tử	Tỷ lệ HS cấp kết quả điện tử	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Cường	443	410	92.55	Không
02	Xã Phú Đức	361	343	95.01	Không
03	Xã An Hoà	349	316	90.54	Không
04	Xã Hoà Bình	161	133	82.61	Không
05	Xã Phú Thọ	394	371	94.16	Không
06	Xã Phú Thành A	482	436	90.46	Không
07	Xã An Long	333	297	89.19	Không
08	Xã Phú Hiệp	236	180	76.27	Không
09	Xã Tân Công Sính	94	68	72.34	Không
10	Xã Phú Ninh	205	169	82.44	Không
11	Xã Phú Thành B	101	93	92.08	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	740	700	94.59	Không
13	Huyện Tam Nông	3.490	3.238	92.78	Không

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS phải số hóa	Tổng HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tỷ lệ HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Cường	443	365	82.39	Không
02	Xã Phú Đức	361	343	95.01	Không
03	Xã An Hoà	349	308	88.25	Không
04	Xã Hoà Bình	161	119	73.91	Không
05	Xã Phú Thọ	394	348	88.32	Không
06	Xã Phú Thành A	482	406	84.23	Không
07	Xã An Long	333	254	76.28	Không
08	Xã Phú Hiệp	236	163	69.07	Không
09	Xã Tân Công Sính	94	56	59.57	Không
10	Xã Phú Ninh	205	153	74.63	Không

11	Xã Phú Thành B	101	93	92.08	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	740	601	81.22	Không
13	Huyện Tam Nông	3.504	2.955	84.33	Không

- Khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có khai thác, sử dụng lại	Tổng HS đã khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS đã khai thác, sử dụng lại	Tổng HS chưa khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS chưa khai thác, sử dụng lại (%)	Tiến độ đã khai thác, sử dụng lại (20%)
01	Xã Phú Cường	435	1	0.23	434	99.77	Không
02	Xã Phú Đức	361	0	0	361	100	Không
03	Xã An Hoà	364	41	11.26	323	88.74	Không
04	Xã Hoà Bình	160	1	0.63	159	99.38	Không
05	Xã Phú Thọ	390	0	0	390	100	Không
06	Xã Phú Thành A	472	0	0	472	100	Không
07	Xã An Long	316	0	0	316	100	Không
08	Xã Phú Hiệp	236	9	3.81	227	96.19	Không
09	Xã Tân Công Sính	78	2	2.56	76	97.44	Không
10	Xã Phú Ninh	199	1	0.5	198	99.5	Không
11	Xã Phú Thành B	92	0	0	92	100	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	719	1	0.14	718	99.86	Không
13	Huyện Tam Nông	3.264	55	1.69	3.209	98.31	Không

III. KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ

1. Đồng bộ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia chưa đạt 100% theo quy định.
2. Vẫn còn phát sinh hồ sơ quá hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
3. Số lượng TTHC trực tuyến phát sinh hồ sơ chưa đạt yêu cầu.
4. Nhiều hồ sơ thực hiện nộp trực tuyến chưa đúng quy trình.
5. Một số địa phương thực hiện thanh toán phí, lệ phí trực tuyến chưa đạt yêu cầu.

6. Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt tỷ lệ 100% theo quy định.

7. Khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ THÁNG TIẾP THEO

1. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC để xử lý kịp thời, đúng quy trình và thời gian quy định, hạn chế mức thấp nhất phát sinh hồ sơ quá hạn, trễ hạn trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Tiếp tục tăng cường thực hiện các dịch vụ công trực tuyến; tập trung nguồn lực để đẩy mạnh thực hiện việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, gắn việc số hóa với thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC; nghiêm túc thực hiện việc khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa đảm bảo đạt chỉ tiêu được giao.

3. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tích cực rà soát, xác định nguyên nhân dẫn đến hạn chế nêu trên, đề ra giải pháp khắc phục, thực hiện hiệu quả hơn trong thời gian tới; chủ động phối hợp hoặc kịp thời đề xuất, kiến nghị với cơ quan chức năng hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, nhất là việc đồng bộ, số hóa hồ sơ và thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến chưa đúng quy định như hiện nay.

4. Thực hiện chuyển đổi sang sử dụng VNeID là tài khoản duy nhất trong thực hiện TTHC và các dịch vụ công trên môi trường điện tử, kể từ ngày 01/7/2024 đúng theo quy định tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về định danh, xác thực điện tử.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 5/2024./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo, CVNC Văn phòng;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NC^{Hiệu}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nam